

**CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81/2005/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2005***NGHỊ ĐỊNH****Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài chính****CHÍNH PHỦ***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;**Căn cứ Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;**Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,***NGHỊ ĐỊNH:***Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Vị trí và chức năng**

Thanh tra Tài chính được tổ chức theo cấp hành chính, ở Trung ương có Thanh tra Bộ Tài chính thuộc Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Thanh tra Bộ) và Thanh tra Tổng cục Thuế, Thanh tra Tổng cục Hải quan, Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây gọi chung là

Thanh tra Tổng cục); ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Thanh tra Sở Tài chính thuộc Sở Tài chính (sau đây gọi tắt là Thanh tra Sở); thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và Sở Tài chính (gọi chung là lĩnh vực tài chính) theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Đối tượng thanh tra**

1. Tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ Tài chính và Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành quy định của pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và Sở Tài chính.

Trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng Điều ước quốc tế đó.

**Điều 3. Nội dung hoạt động**

1. Thanh tra, kiểm tra đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này về việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao.

2. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về lĩnh vực tài chính của các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

3. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính.

4. Phát hiện, lập biên bản, có biện pháp ngăn chặn, quyết định theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

5. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra, hướng dẫn các tổ chức thanh tra của cơ quan tài chính xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra; tổ chức thực hiện và kiểm tra đôn đốc các tổ chức thanh tra của cơ quan tài chính cấp dưới thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

7. Hướng dẫn bồi dưỡng về nội dung nghiệp vụ thanh tra, thực hiện kiểm tra đối với thanh tra của cơ quan tài chính

cấp dưới trong việc thực hiện thanh tra và xử lý sau thanh tra; xây dựng quy trình nghiệp vụ về công tác thanh tra, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy trình nghiệp vụ đó.

8. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với quy định của luật, pháp lệnh và yêu cầu quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính.

9. Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng và chống tham nhũng; tổ chức tổng kết kinh nghiệm về công tác thanh tra tài chính.

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Nguyên tắc hoạt động**

1. Hoạt động của Thanh tra Tài chính phải tuân theo pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức cá nhân là đối tượng thanh tra.

2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên phải thực hiện các quy định pháp luật về thanh tra và phải chịu trách nhiệm về hành vi, quyết định của mình.

**Điều 5. Mối quan hệ công tác**

1. Các cơ quan Thanh tra tài chính



hoạt động dưới sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cùng cấp và sự chỉ đạo về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của cơ quan Thanh tra cấp trên.

2. Thanh tra Bộ chịu sự chỉ đạo về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Chính phủ theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra Bộ hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra Sở; quản lý, chỉ đạo về công tác tổ chức và hoạt động nghiệp vụ thanh tra đối với Thanh tra Tổng cục thuộc Bộ Tài chính.

4. Thanh tra Sở chịu sự hướng dẫn về công tác, nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra cấp tỉnh.

5. Thanh tra Tài chính phối hợp với Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở địa phương trong quá trình thanh tra các vấn đề liên quan đến công tác tài chính để tránh chồng chéo và nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật.

## Chương II

### TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA TÀI CHÍNH

#### Điều 6. Tổ chức Thanh tra Tài chính

1. Ở Bộ Tài chính có Thanh tra Bộ Tài chính và Thanh tra Tổng cục Thuế,

Thanh tra Tổng cục Hải quan, Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Ở Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Thanh tra Sở Tài chính.

Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục và Thanh tra Sở có con dấu và tài khoản riêng.

#### Điều 7. Tổ chức của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan của Bộ Tài chính; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra Bộ được tổ chức các phòng; Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, biên chế và tổ chức bộ máy của Thanh tra Bộ.

#### Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 25 Luật Thanh tra.

2. Tham gia xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về công tác thanh tra; chủ trì hoặc tham gia xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm

pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thanh tra tài chính trình cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Hướng dẫn các tổ chức thanh tra của cơ quan tài chính cấp dưới xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra và kiểm tra đôn đốc các tổ chức thanh tra đó thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt.

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính.

Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc huỷ bỏ những quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra.

5. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý của Thanh tra Bộ; kiểm tra việc thực hiện thanh tra và xử lý sau thanh tra của tổ chức thanh tra cơ quan tài chính cấp dưới.

6. Hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra tài chính đối với Thanh tra Tổng cục và Thanh tra Sở; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra.

7. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; tổng

kết kinh nghiệm, nghiệp vụ thanh tra tài chính.

8. Được trưng tập cán bộ, công chức thanh tra thuộc cơ quan tài chính cấp dưới, được yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính giao.

**Điều 9.** Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 26 Luật Thanh tra.

2. Chỉ đạo công tác nghiệp vụ thanh tra đối với Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Sở.

3. Kiến nghị Bộ trưởng giải quyết việc trùng lặp về nội dung và thời gian giữa các Đoàn thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

4. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị xử lý về công tác thanh tra, kiểm tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị, tổ chức thuộc quyền quản lý của Bộ.

5. Hướng dẫn, đôn đốc Thủ trưởng đơn vị, tổ chức thuộc quyền quản lý của Bộ thực hiện các quy định về thanh tra.

6. Báo cáo Tổng Thanh tra về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

7. Kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của



Thủ trưởng đơn vị, tổ chức thuộc quyền quản lý của Bộ trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

8. Tham gia ý kiến với Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thanh tra.

#### **Điều 10. Tổ chức Thanh tra Tổng cục**

1. Thanh tra Tổng cục là cơ quan của Tổng cục, thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục.

2. Thanh tra Tổng cục có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Tổng cục do Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Tổng cục trưởng sau khi thống nhất ý kiến với Chánh Thanh tra Bộ.

Phó Chánh Thanh tra Tổng cục do Tổng cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Tài chính.

Các Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Tổng cục.

**Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Tổng cục**

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách,

pháp luật, nhiệm vụ được giao đối với tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Tổng cục trưởng.

2. Thanh tra việc chấp hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước chuyên ngành của Tổng cục.

3. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Giúp Tổng cục trưởng hướng dẫn, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Tổng cục trưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Giúp Tổng cục trưởng hướng dẫn, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục trưởng theo quy định của pháp luật về chống tham nhũng.

6. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Tổng cục.

7. Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra của Thanh tra Tổng cục.

8. Tổng hợp, báo cáo kết quả thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

9. Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, tổ chức trực thuộc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra.



10. Tổng kết kinh nghiệm, nghiệp vụ thanh tra trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra Tổng cục.

11. Được yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra của Tổng cục.

12. Thanh tra vụ việc khác do Tổng cục trưởng giao; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 12.** Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Tổng cục

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Thanh tra Tổng cục.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Tổng cục trưởng quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về lĩnh vực do Tổng cục quản lý.

4. Kiến nghị Tổng cục trưởng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng cục trưởng khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

5. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

6. Kiến nghị với Tổng cục trưởng xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng cục trưởng.

7. Lãnh đạo Thanh tra Tổng cục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

8. Báo cáo Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi, trách nhiệm của mình.

**Điều 13.** Tổ chức của Thanh tra Sở

1. Thanh tra Sở là cơ quan thuộc Sở Tài chính, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 14.** Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 28 của Luật Thanh tra.

2. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ những quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước được phát hiện qua công tác thanh tra tài chính.

3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Sở.

4. Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, tổ chức thuộc Sở Tài chính thực hiện các quy định của pháp luật về công tác



thanh tra; phối hợp với Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị thuộc Sở Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn về tổ chức, hoạt động thanh tra nội bộ trong các tổ chức, đơn vị đó.

5. Được yêu cầu các tổ chức có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra.

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và phân công của Giám đốc Sở Tài chính.

**Điều 15.** Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 29 của Luật Thanh tra.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thanh tra của các tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Giám đốc Sở Tài chính.

3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở Tài chính.

4. Hướng dẫn, đôn đốc Thủ trưởng tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở Tài chính thực hiện các quy định pháp luật về thanh tra.

5. Báo cáo Giám đốc Sở Tài chính, Chánh Thanh tra tỉnh và Chánh Thanh tra Bộ Tài chính về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

6. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng tổ chức, đơn vị thuộc quyền

quản lý của Sở Tài chính thực hiện pháp luật về thanh tra.

### Chương III

## THANH TRA VIÊN VÀ CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA

### Điều 16. Thanh tra viên tài chính

1. Thanh tra viên Tài chính (sau đây gọi chung là Thanh tra viên) là công chức nhà nước, được bổ nhiệm vào các ngạch Thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra tài chính.

2. Thanh tra viên có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra và các quy định của pháp luật về tài chính;

b) Xử phạt hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Được quyền dùng thẻ Thanh tra viên để xử lý mà không cần có quyết định của cấp có thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp nhằm ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, đồng thời báo cáo vụ việc với Thủ trưởng cơ quan thanh tra cùng cấp ngay sau khi xử lý.

3. Thanh tra viên được hưởng lương theo các ngạch công chức và phụ cấp đối với thanh tra theo quy định của pháp luật.

LawSoft  
 Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

4. Ngoài những quy định chung về điều kiện, tiêu chuẩn của ngạch thanh tra, Thanh tra viên tài chính phải có các điều kiện, tiêu chuẩn phù hợp với ngành, lĩnh vực theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Thanh tra viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và người ra quyết định thanh tra về quyết định và các biện pháp xử lý của mình.

6. Khi xử lý vi phạm, Thanh tra viên tài chính phải thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Nghị định này.

#### **Điều 17.** Cộng tác viên thanh tra

1. Cộng tác viên thanh tra là người không thuộc biên chế của cơ quan Thanh tra tài chính, được trưng tập làm nhiệm vụ thanh tra theo yêu cầu của cơ quan thanh tra hoặc cấp có thẩm quyền. Cộng tác viên thanh tra làm việc theo sự phân công của tổ chức thanh tra hoặc Thanh tra viên tài chính.

2. Cộng tác viên thanh tra phải có phẩm chất chính trị tốt; có ý thức trách nhiệm, trung thực, khách quan, công minh; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ thanh tra được giao.

3. Các tổ chức Thanh tra tài chính sử dụng cộng tác viên theo quy định của pháp luật.

4. Cộng tác viên Thanh tra tài chính có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

#### *Chương IV*

### TRANG PHỤC, PHÙ HIỆU, CẤP HIỆU, BIỂN HIỆU, PHƯƠNG TIỆN VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

**Điều 18.** Trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu

1. Thanh tra tài chính có trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu riêng.

Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu tương tự, gây sự nhầm lẫn với Thanh tra tài chính.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của Thanh tra tài chính sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra.

**Điều 19.** Bảo đảm điều kiện làm việc

1. Các cơ quan Thanh tra tài chính có trụ sở và được trang bị phương tiện phục vụ công tác thanh tra.

Tùy theo từng chuyên ngành, các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính trang bị phương tiện phù hợp để phục vụ cho các hoạt động của các tổ chức thanh tra và thanh tra viên.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phương tiện, thiết bị cho cơ quan Thanh tra tài chính các cấp theo quy định của pháp luật.

**Điều 20.** Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Thanh tra tài chính do ngân sách nhà nước cấp và



nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc cấp phát, quản lý kinh phí thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

### Chương V

## KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

### Điều 21. Chế độ khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động thanh tra tài chính được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

### Điều 22. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình vi phạm các quy định của pháp luật về thanh tra và Nghị định này hoặc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tài chính, cản trở hoạt động thanh tra tài chính, mua chuộc, trả thù người làm nhiệm vụ thanh tra, trả thù người khiếu nại, tố cáo thì tùy mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

### Chương VI

## HIỆU LỰC VÀ TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

### Điều 23. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo; thay thế Nghị định số 174/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 1970 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài chính và Nghị định số 17/2000/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Chứng khoán và các quy định trước đây về Thanh tra tài chính trái với Nghị định này.

### Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

688982  
Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com  
LawSoft